

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **20**/2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **06** tháng **8** năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 314/TTr-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 207/BC-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 356/BC-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động

không chuyên trách, chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố (sau đây gọi chung là tổ dân phố); việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

b) Các nội dung khác có liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố không quy định tại Nghị quyết này, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
- b) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
- c) Người kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
- d) Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức phụ cấp đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Mức phụ cấp đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội), như sau:

STT	Chức danh	Mức phụ cấp (theo hệ số lần mức lương cơ sở/người/tháng)	
		Đối với thôn, tổ dân phố quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đối với thôn, tổ dân phố quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
1	Bí thư Chi bộ	2,8	2,5
2	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố	2,7	2,3
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố	2,5	2,0

Điều 3. Việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Cán bộ, công chức, viên chức xã, phường; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động ở xã, phường theo quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố cứ giảm 01 người theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm quy định tại Điều 2 Nghị quyết này, trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

2. Cán bộ, công chức, viên chức xã, phường; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động ở xã, phường theo quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động khác ở thôn, tổ dân phố cứ giảm 01 người trong các chức danh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này, trường hợp

kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ hưởng một mức hỗ trợ kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 4. Số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Số lượng chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm: 10 chức danh.

2. Chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm:

- a) Phó Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố;
- b) Phó trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố;
- c) Phó trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố;
- d) Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh;
- đ) Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ;
- e) Bí thư Chi đoàn Thanh niên;
- g) Chi hội trưởng Chi hội Nông dân;
- h) Chi hội trưởng Chi hội Người Cao tuổi;
- i) Chi ủy viên;
- k) Người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

STT	Chức danh	Mức hỗ trợ (theo hệ số lần mức lương cơ sở/người/tháng)	
		Đối với thôn, tổ dân phố quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đối với thôn, tổ dân phố quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
1	Phó Bí thư Chi bộ	1,0	0,9
2	Phó Trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố	1,0	0,9

3	Phó trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố	0,9	0,8
4	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh	0,8	0,7
5	Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ	0,8	0,7
6	Bí thư Chi đoàn Thanh niên	0,8	0,7
7	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	0,8	0,7
8	Chi hội trưởng Chi hội Người Cao tuổi	0,6	0,5
9	Chi ủy viên	0,3	
10	Người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí từ ngân sách trung ương khoán quỹ phụ cấp tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định chức danh, kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức hỗ trợ và phụ cấp kiêm

nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên và Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Hai thông qua ngày 06 tháng 8 năm 2026. /An

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, TAND tỉnh; THADS tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An